

CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH ĐỊNH

Chương: 426

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CCBVM ngày tháng 01 năm 2023 của Chi cục Bảo vệ Môi trường)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
1	2	3	4	5
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí	2.470.000.000	200.000.000	2.670.000.000
1	Lệ phí:	0		0
	Lệ phí...			
	Lệ phí...			
2	Phí:	2.470.000.000	200.000.000	2.670.000.000
	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	1.000.000.000	100.000.000	1.100.000.000
	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	1.300.000.000	100.000.000	1.400.000.000
	Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường	170.000.000	0	170.000.000
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại (kể cả tiết kiệm 40% để tạo nguồn CCTL)	1.703.500.000	125.000.000	1.828.500.000
	Chi quản lý hành chính	1.703.500.000	125.000.000	1.828.500.000
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.703.500.000	125.000.000	1.828.500.000
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	766.500.000	75.000.000	841.500.000
1	Lệ phí	0	0	0
2	Phí	766.500.000	75.000.000	841.500.000
	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	749.500.000	75.000.000	824.500.000
	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	0	0	0
	Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường	17.000.000	0	17.000.000
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.452.996.000	-258.174.000	1.194.822.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.452.996.000	-258.174.000	1.194.822.000
1	Chi quản lý hành chính (341)	90.000.000	-40.000.000	50.000.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0
	- Quản lý nhà nước. Trong đó:	0	0	0
	+ Tiền lương và các khoản trích theo lương			0
	+ Kinh phí hoạt động		0	0
	+ Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương tại đơn vị đối với kinh phí tự chủ		0	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	90.000.000	-40.000.000	50.000.000
	- Hỗ trợ chi hoạt động chuyên môn	90.000.000	-40.000.000	50.000.000
	- Mua sắm phần mềm quản lý tài sản		0	0
	- Mua sắm, sửa chữa			0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			

Số TT	Nội dung	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
1	2	3	4	5
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.362.996.000	-218.174.000	1.144.822.000
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.362.996.000	-218.174.000	1.144.822.000
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			0
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (278)	1.362.996.000	-218.174.000	1.144.822.000
	+ Nghiệp vụ bảo vệ môi trường và giám sát môi trường, đa dạng sinh học. Trong đó:	1.362.996.000	-218.174.000	1.144.822.000
	* Thanh kiểm tra đột xuất	11.000.000	-9.000.000	2.000.000
	* Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Bình Định giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030	862.053.000	-26.000.000	836.053.000
	* Lập dự án thành lập Khu dự trữ thiên nhiên đầm Thị Nại	489.943.000	-183.174.000	306.769.000
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			